

BẢNG GIÁ CHUYÊN TUYỂN VIỆT NAM - UK

| Trọng lượng | Cước VNĐ |
|-------------|-----------|
| 0.50 | 1,139,400 |
| 1.00 | 1,240,800 |
| 1.50 | 1,342,200 |
| 2.00 | 1,443,600 |
| 2.50 | 1,545,000 |
| 3.00 | 1,646,400 |
| 3.50 | 1,747,800 |
| 4.00 | 1,849,200 |
| 4.50 | 1,950,600 |
| 5.00 | 2,052,000 |
| 5.50 | 2,253,400 |
| 6.00 | 2,354,800 |
| 6.50 | 2,456,200 |
| 7.00 | 2,557,600 |
| 7.50 | 2,659,000 |
| 8.00 | 2,760,400 |
| 8.50 | 2,861,800 |
| 9.00 | 2,963,200 |
| 9.50 | 3,064,600 |
| 10.00 | 3,166,000 |
| 10.50 | 3,388,525 |
| 11.00 | 3,411,050 |
| 11.50 | 3,533,575 |
| 12.00 | 3,656,100 |
| 12.50 | 3,778,625 |
| 13.00 | 3,901,150 |
| 13.50 | 4,023,675 |
| 14.00 | 4,146,200 |
| 14.50 | 4,268,725 |
| 15.00 | 4,391,250 |
| 15.50 | 4,713,775 |

| | |
|---------------------|-----------|
| 16.00 | 4,836,300 |
| 16.50 | 4,958,825 |
| 17.00 | 5,081,350 |
| 17.50 | 5,203,875 |
| 18.00 | 5,326,400 |
| 18.50 | 5,548,925 |
| 19.00 | 5,671,450 |
| 19.50 | 5,793,975 |
| 20.00 | 5,916,500 |
| 20.50 | 6,239,025 |
| 21.00 | 6,361,550 |
| 21.50 | 6,484,075 |
| 22.00 | 6,606,600 |
| 22.50 | 6,729,125 |
| 23.00 | 6,851,650 |
| 23.50 | 6,974,175 |
| 24.00 | 7,196,700 |
| 24.50 | 7,319,225 |
| 25.00 | 7,441,750 |
| 25.50 | 7,564,275 |
| 26.00 | 7,686,800 |
| 26.50 | 7,809,325 |
| 27.00 | 7,931,850 |
| 27.50 | 8,054,375 |
| 28.00 | 8,176,900 |
| 28.50 | 8,499,425 |
| 29.00 | 8,621,950 |
| 29.50 | 8,744,475 |
| 30.00 | 8,867,000 |
| CƯỚC VNĐ/ KG | |
| 31 - 44 | 290,000 |
| 45 - 99 | 275,000 |
| 100 - 299 | 265,000 |
| 300 - 500 | 240,000 |
| 300 - 500 | 235,000 |

NOTE

Đối với hàng hóa đi chuyên tuyến UK, sẽ phụ thu và đền bù hàng hóa như sau

Đối với trường hợp mất hàng cho Các loại thuốc tây, nam, hàng nhái (fake), hàng hải sản khô , các loại mắm, các loại hàng muối chua, hàng thực phẩm có sản phẩm từ động vật trên cạn như: trứng , thịt, sữa, thực phẩm chức năng , các loại bột, chất lỏng khi bị tiêu hủy, giữ hoặc tịch thu bởi hải quan hoặc mất mát trong quá trình vận chuyển hàng hóa: **mất hàng ở đây sẽ không phân biệt mất hàng tại khâu nào** , khi hàng không đến được tay người nhận sẽ áp dụng những chính sách như trên.

Đối với trường hợp mất hàng áp dụng cho hàng thường: Công ty đền cước + giá trị hàng theo invoice nhưng không quá 100 usd / lô hàng (shipment) (theo quy định hợp đồng) , công ty chỉ đền bù trên kiện hàng , không đền bù cho nội dung hàng bên trong kiện hàng (trường hợp mất 1 vài món hàng bên trong kiện)

Đối với trường hợp hàng hỏng do đi lâu: Công ty giảm 5-10% cước tùy từng trường hợp (không xử lý nếu thời gian đi lâu do hải quan giữ hàng , vấn đề khách quan như dịch bệnh, backlog hàng do cuối năm, trường hợp đã báo trước cho khách hàng về toàn trình có thể bị lâu hơn dự kiến) (khách hàng cần cung cấp hình ảnh + video ngay khi nhận được hàng hóa)

Chú ý với các giá hàng chưa bao gồm chi phí cho các loại hàng đặc biệt

Hàng nhái, hàng thương hiệu: 5,000 VND / kg (chưa VAT)

Hàng sách: 5,000 vnd / kg (chưa VAT)

Hàng que test y tế: 30,000 VND / kg (chưa VAT)

Hàng salonpas: 30,000 VND / kg (chưa VAT)

Hàng yến: 120,000 VND / kg (chưa VAT) (khai là thạch mát mát không khiêu nại)

Máy móc, linh kiện điện tử: cần check cụ thể là mất hàng gì vì tùy vào loại hàng giá sẽ khác nhau

Thực phẩm chức năng: 10,000 VND / kg (chưa VAT)